

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-02-2022

V/v “*Ly hôn*

và tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Em**

2. Bà **Âu Thị Kiều Sương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Trần Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Phần** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 457/2021/TLST- HNGĐ ngày 05/11/2021 về việc về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Bạch T**, sinh năm 1984; ĐKTT: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện tại: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M** - Luật sư Công ty Luật TNHH COUNSEL thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Trần Hoàng D**, sinh năm 1983; ĐKTT: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/11/2021, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, văn bản trình bày ý kiến ngày 22/02/2022, bà Ngô Thị Bạch T trình bày:

Bà T và ông D đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2012. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau, bà T đã tìm nhiều cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà T và ông D đã sống ly thân. Do không còn tình cảm nên nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng D. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà T và ông D có 01 con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 16/4/2014, bà T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do tại phiên tòa, ông Trần Hoàng D đã đồng ý theo các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Bạch T đối với ông Trần Hoàng D.

Con chung: Bà T được nuôi 01 con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 16/4/2014. Ghi nhận ông Trần Hoàng D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 750.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong các biên bản làm việc, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Trần Hoàng D trình bày:

Ông D và bà T đám cưới trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau nhưng không lớn. Vào khoảng tháng 11/2021, vợ đi làm suốt không chịu nghỉ, gọi điện thoại không bắt máy. Do nóng tính nên ông D có đập xe máy vô tình trúng người bà T. Sau đó, từ ngày 07/11/2021, bà T bỏ về nhà ở Tây Ninh cho đến nay. Ông D đã nhiều lần gọi điện thoại liên lạc để bà T về nhưng không được. Nay bà T vẫn cương quyết ly hôn thì ông D đồng ý ly hôn với bà T. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng vợ và chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà T và ông D có 01 con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 16/4/2014, hiện đang ở chung với bà T ở Tây Ninh. Ông D đồng ý để bà T nuôi con chung nhưng yêu cầu phải tạo điều kiện để ông được tới lui thăm và chăm

sóc con. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng.

Trước đây, tại biên bản làm việc ngày 01/12/2021, ông D có trình bày yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Nhưng do không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên ông D không yêu cầu nữa. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông D. Về con chung: Bà T được nuôi 01 con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 16/4/2014, ghi nhận ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không xét đến; nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Hoàng D có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị Bạch T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phần tuyên án, ông Trần Hoàng D tự ý bỏ về không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành tuyên án vắng mặt ông D là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2012 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công

nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tại văn bản xác nhận ngày 08/11/2021 của bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột của bà T) thể hiện: quá trình chung sống ông D và bà T thường xuyên cãi nhau, gia đình cũng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả (BL38). Bà T có đơn yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng Tòa án, thể hiện việc không mong muốn hòa giải đoàn tụ với ông D. Tại phiên tòa, ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Điều đó đã chứng tỏ việc hàn gắn tình cảm cho bà T và ông D không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông D là phù hợp quy định pháp luật. Bà T, ông D tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 16/4/2014, hiện đang sống với bà T tại tỉnh Tây Ninh. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Bà T có công việc và thu nhập ổn định; cháu Kim Anh sống chung với bà T từ nhỏ, vẫn được bà T chăm sóc, phát triển bình thường, vẫn được tạo điều kiện học tập đầy đủ. Mặt khác, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 05/01/2022, cháu Kim Anh có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn (BL42). Tại phiên tòa, ông D đồng ý để bà T được nuôi cháu Kim Anh. Do đó, để đảm bảo việc phát triển đầy đủ mọi mặt, đảm bảo ổn định về mặt tâm lý và tinh thần cho cháu Kim Anh nên giao cháu Kim Anh cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Xét việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, ông D đồng ý cấp dưỡng cho bà T nuôi cháu Kim Anh 750.000 đồng/tháng. Đây là sự tự nguyện của ông D, không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên ghi nhận. Ông Trần Hoàng D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Ngô Thị Bạch T mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận yêu cầu nên không xét đến. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có. Tại biên bản làm việc ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, ông D có ý kiến về giải quyết nợ chung. Tòa án đã ra Thông báo số 457/TB-TA ngày 16/12/2021 cho ông D để cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên ông D không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và tại phiên tòa ông D rút lại ý kiến nêu trên. Do đó, Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết về nợ chung.

[6] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.
- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông D phải chịu theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Bạch T đối với ông Trần Hoàng D. Bà Ngô Thị Bạch T được ly hôn với ông Trần Hoàng D. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Bạch T đối với ông Trần Hoàng D chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Ngô Thị Bạch T và ông Trần Hoàng D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà T được tiếp tục nuôi 01 con chung là cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 16/4/2014. Ông Trần Hoàng D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Ngô Thị Bạch T mỗi tháng 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Trần Hoàng D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không có yêu cầu; nợ chung: Không có nên không xét đến.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Bạch T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai tạm ứng án phí số 0001062 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Ngô Thị Bạch T đã nộp xong án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Hoàng D phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- UBND xã Phước Thạnh;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền